

Số: 26 BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

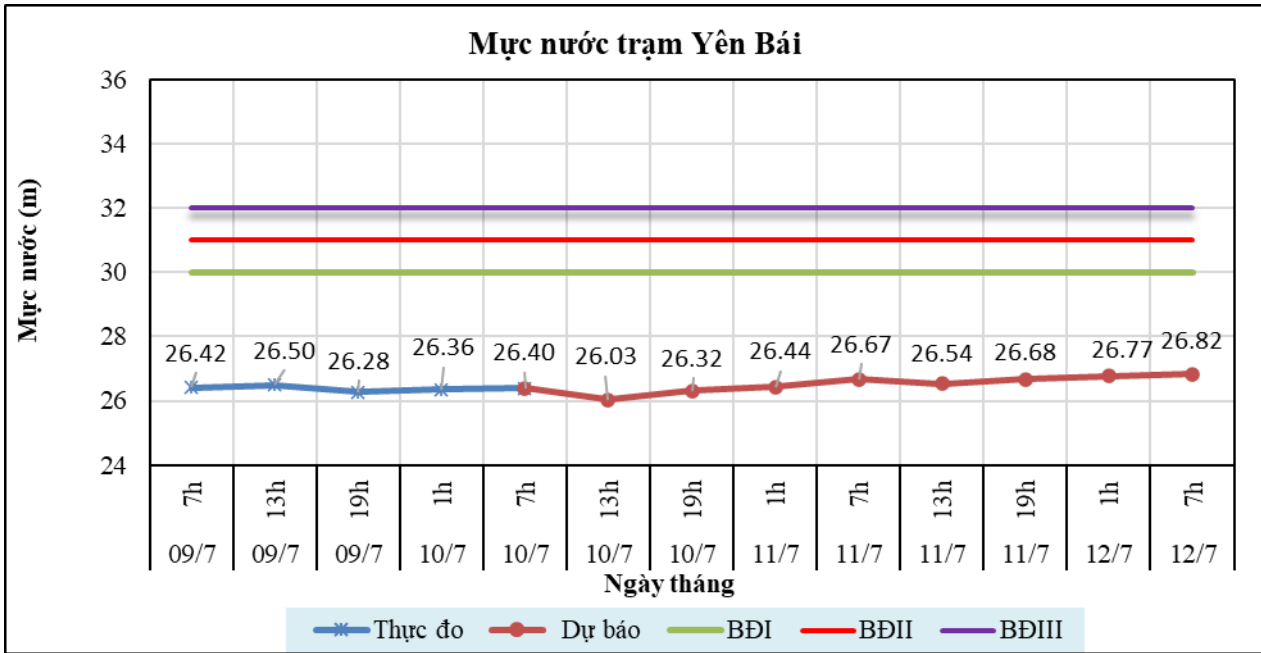
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

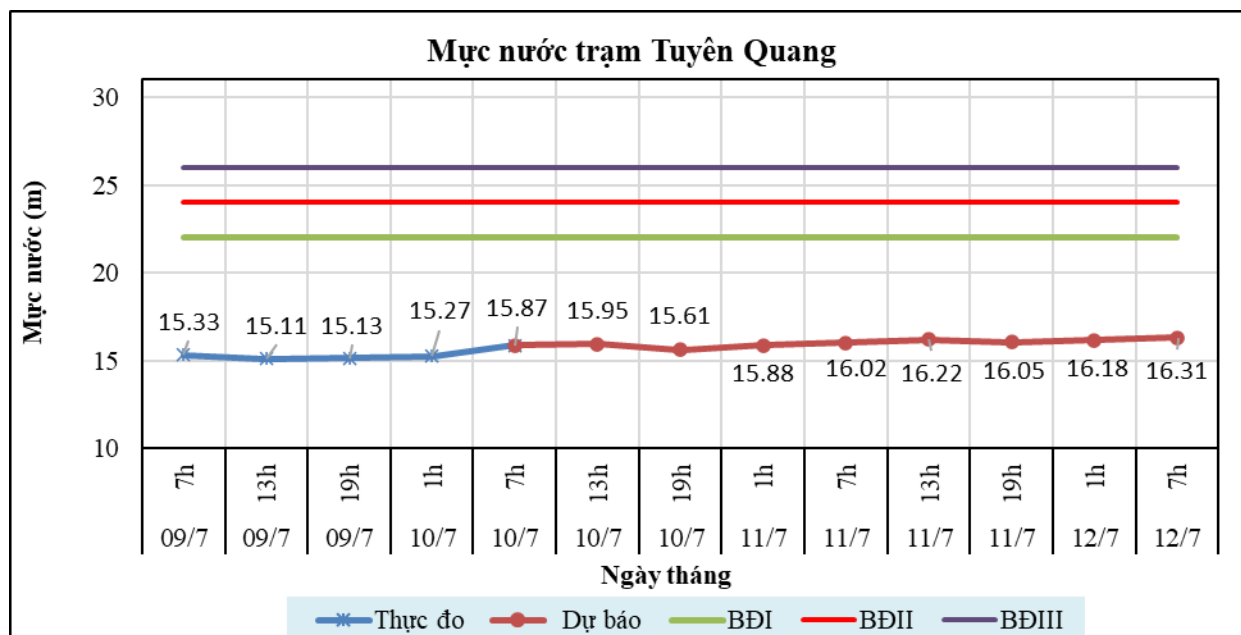
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

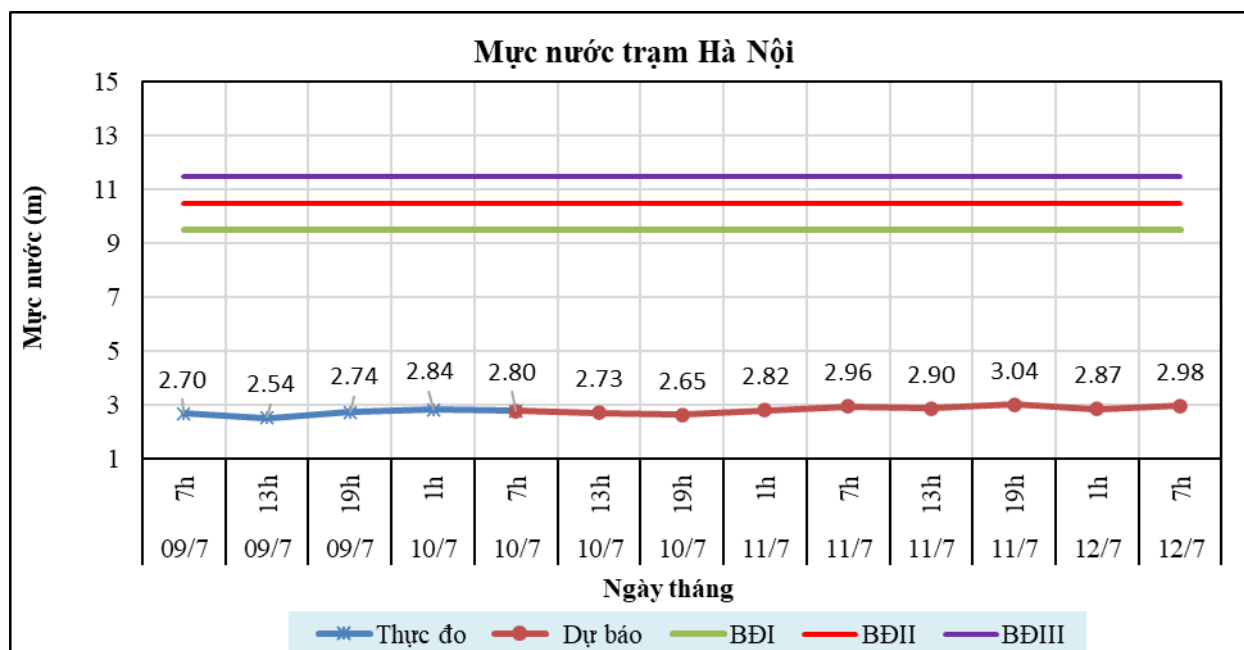
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

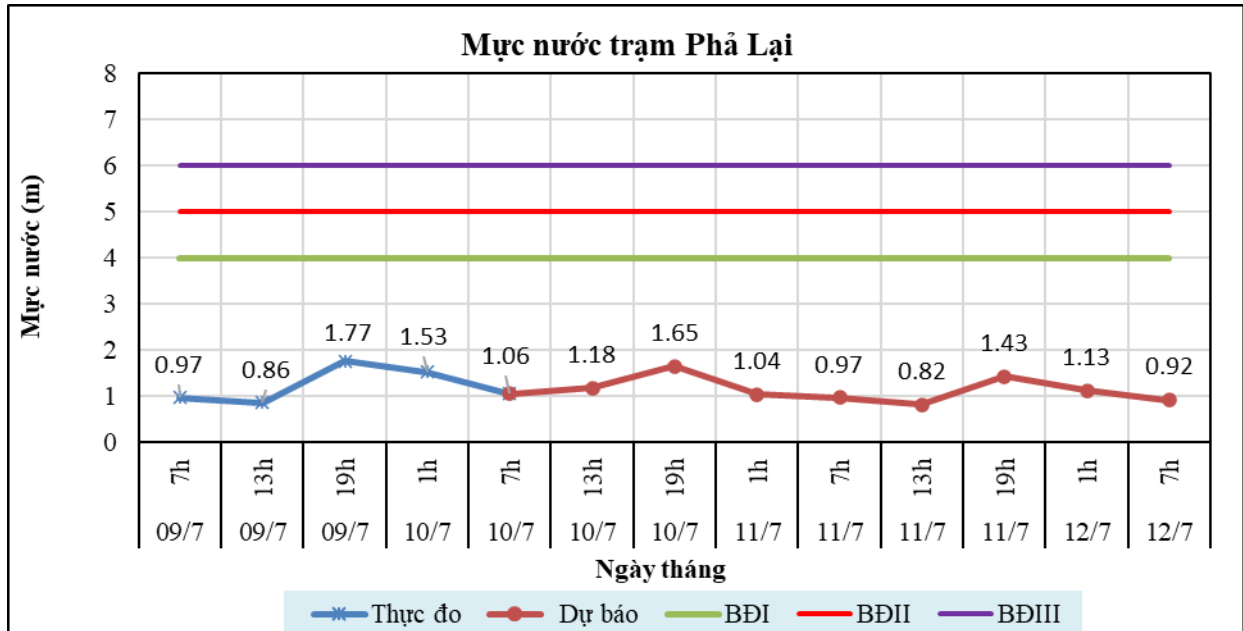
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mực nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỰC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

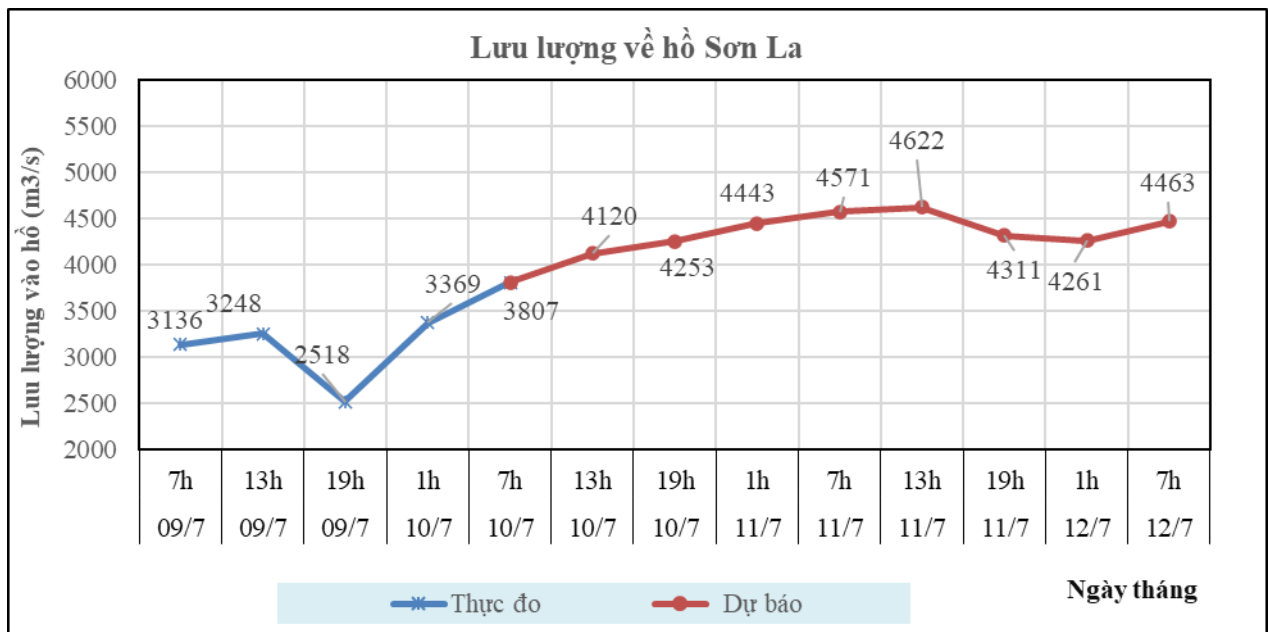
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

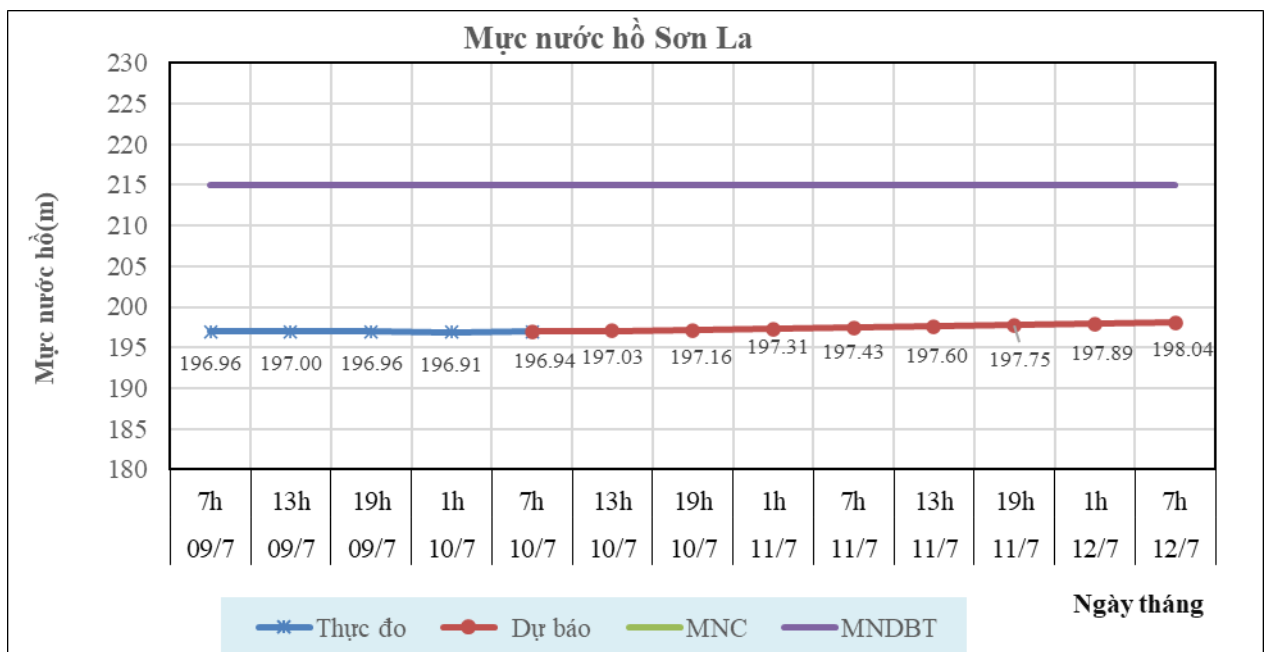
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 10/07/2025 đạt 3807m³/s, mực nước hồ đạt 196.94m, lưu lượng có xu thế tăng, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 4571m³/s, mực nước hồ 197.43m, 48h tới lưu lượng đạt 4463m³/s, mực nước đạt 198.04m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

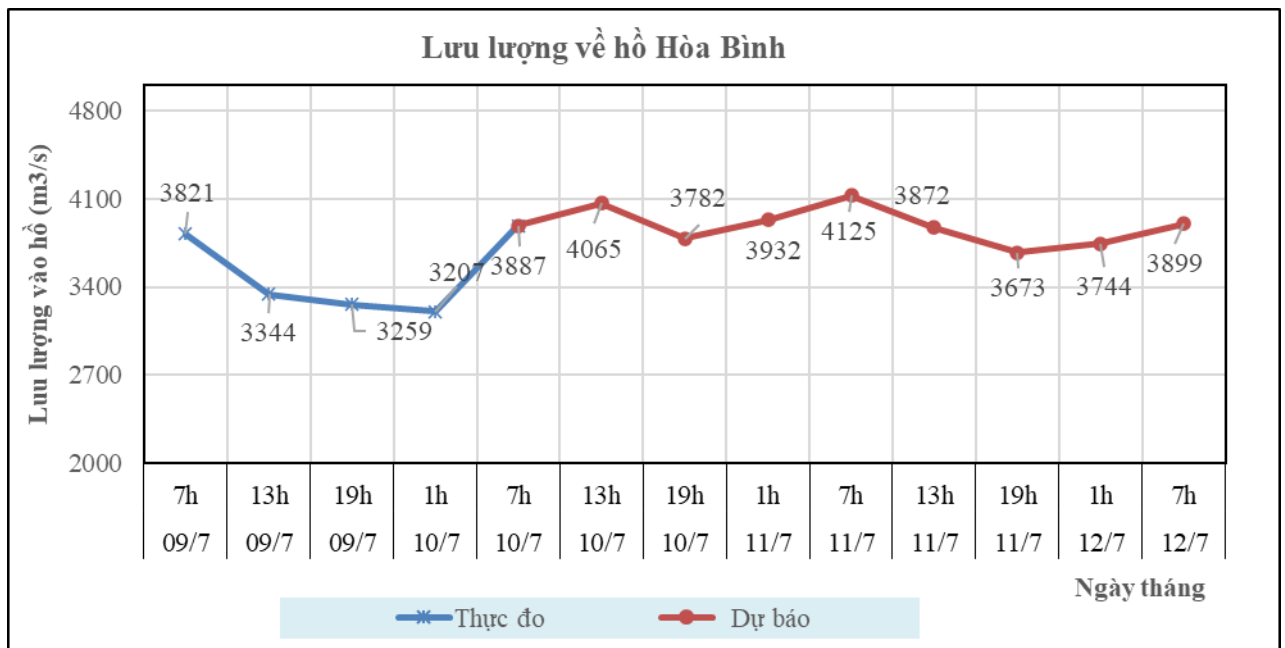
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

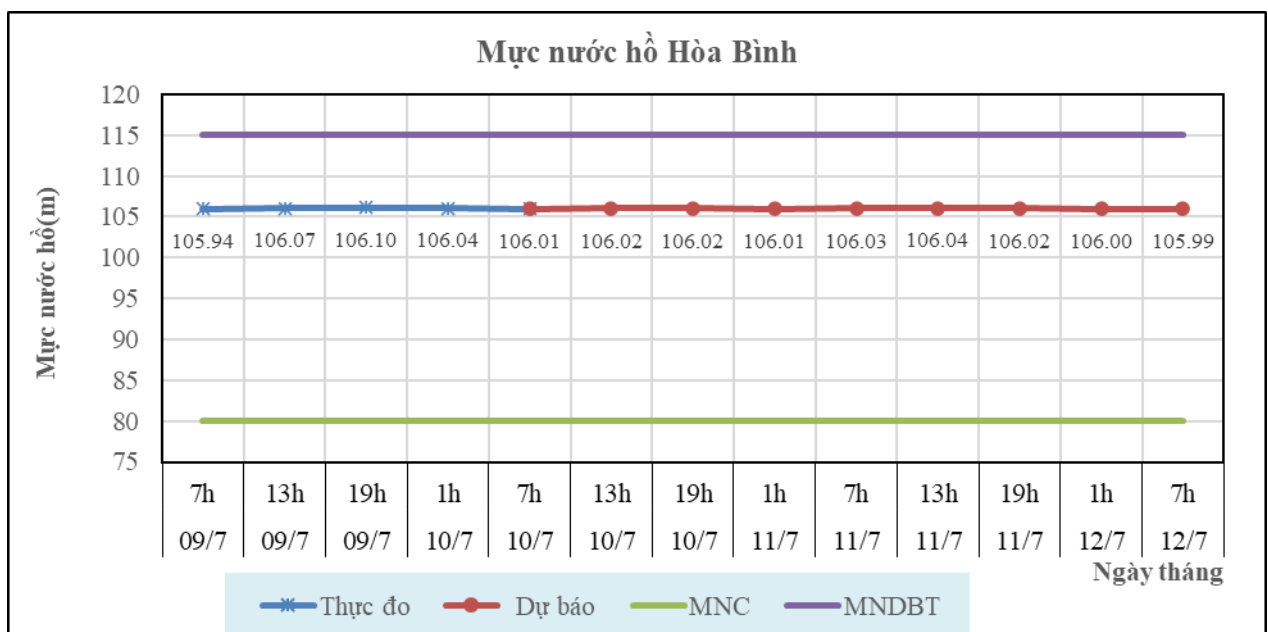
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 10/07/2025 đạt 3887m³/s, mực nước hồ đạt 106.01m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 4125m³/s, mực nước hồ 106.03m, 48h tới lưu lượng đạt 3899m³/s, mực nước đạt 105.99m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

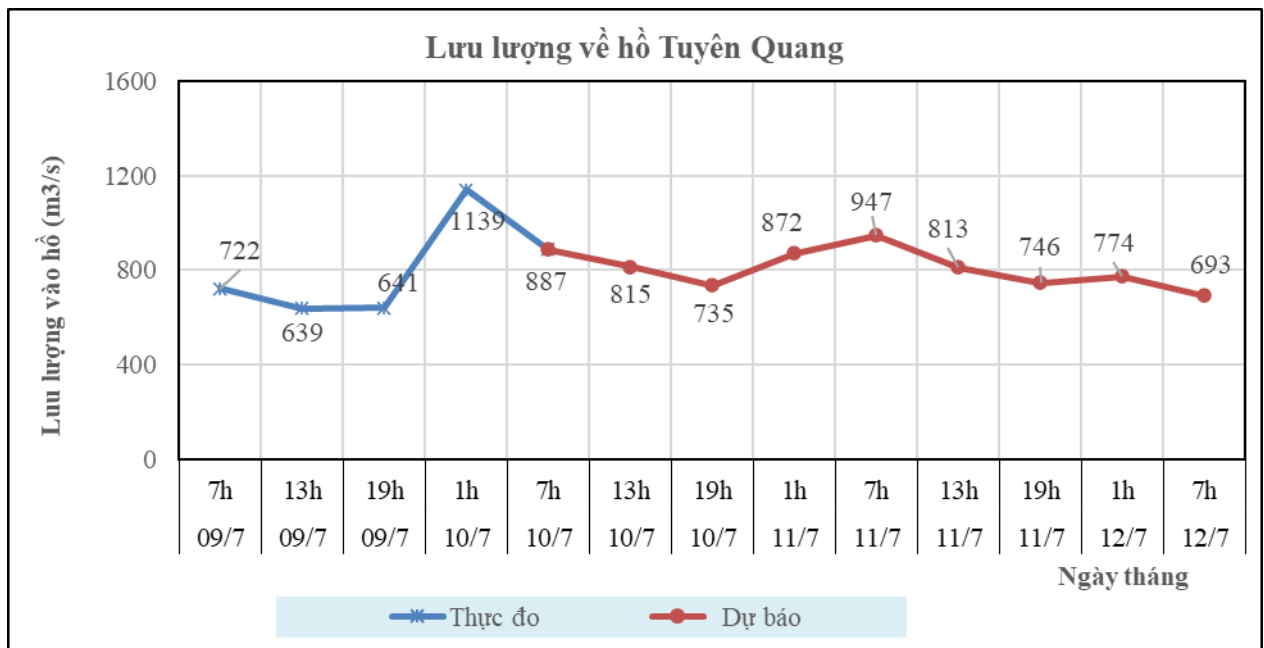
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

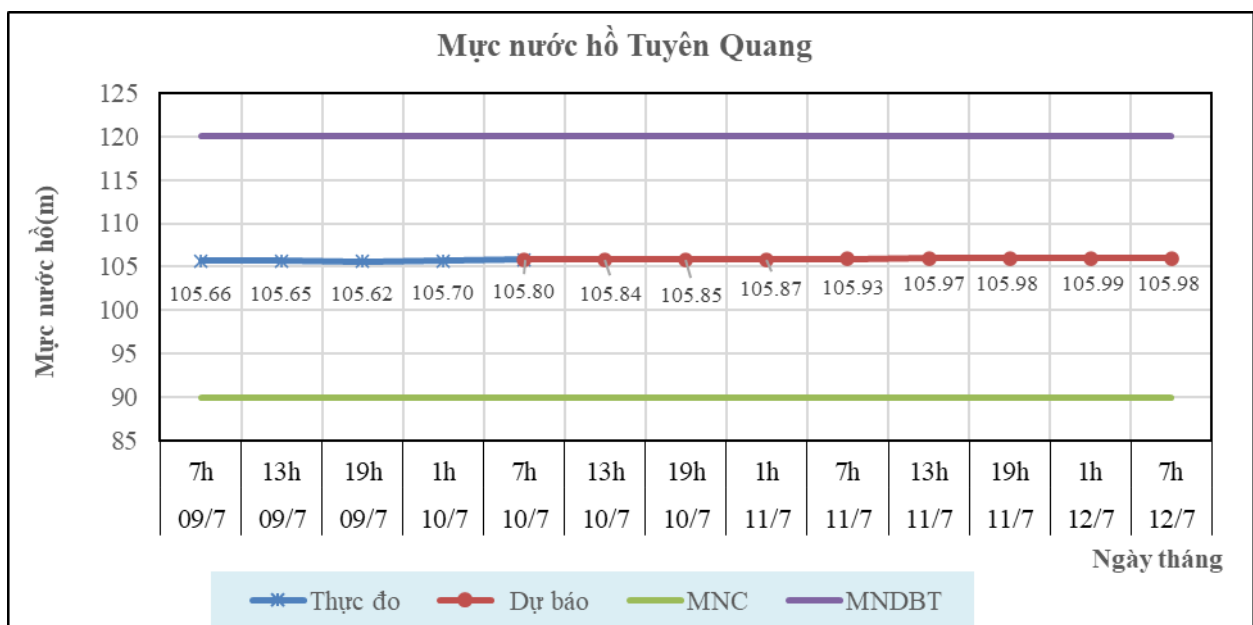
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 10/07/2025 đạt 887m³/s, mực nước hồ đạt 105.8m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 947m³/s, mực nước hồ 105.93m, 48h tới lưu lượng đạt 693m³/s, mực nước đạt 105.98m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

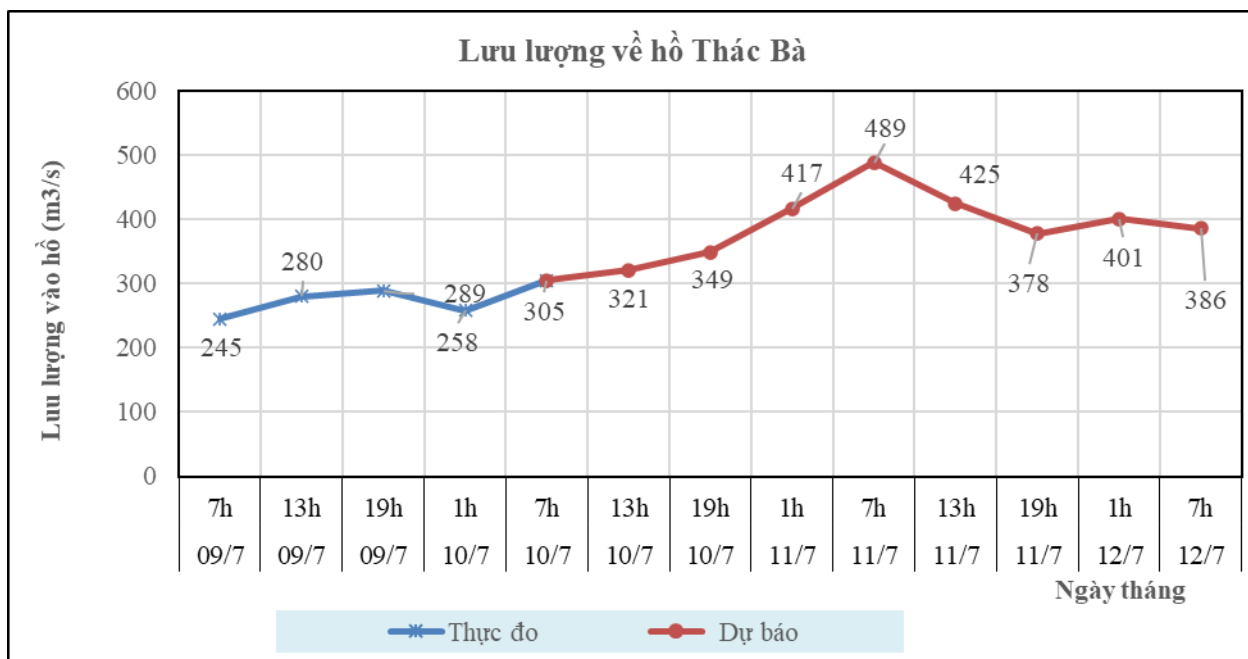
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

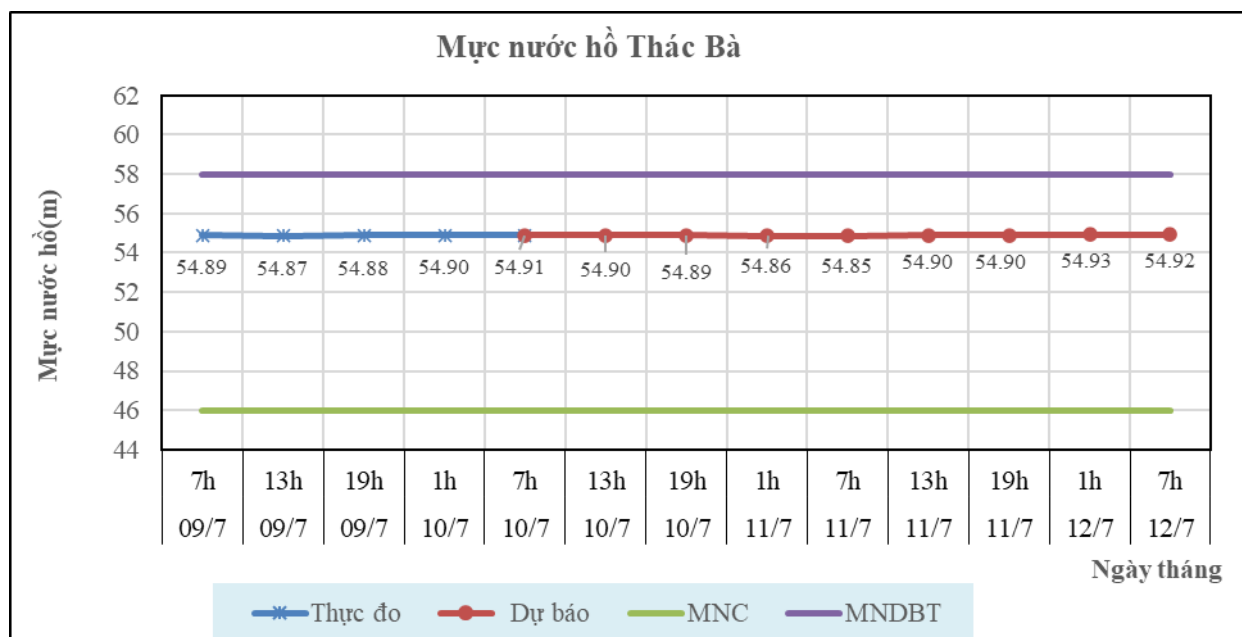
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 10/07/2025 đạt 305m³/s, mực nước hồ đạt 54.91m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 489m³/s, mực nước hồ 54.85m, 48h tới lưu lượng đạt 386m³/s, mực nước đạt 54.92m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)
1	10/07/2025	13h	0	0	4120	2981	197.03	1	0	4065	3907	106.02	0	0	815	750	105.84	0	0	321	389	54.90
2		19h	0	0	4253	2987	197.16	1	0	3782	3907	106.02	0	0	735	750	105.85	0	0	349	389	54.89
3	11/07/2025	1h	0	0	4443	2893	197.31	1	0	3932	3907	106.01	0	0	872	750	105.87	0	0	417	389	54.86
4		7h	0	0	4571	2978	197.43	1	0	4125	3907	106.03	0	0	947	750	105.93	0	0	489	389	54.85
5		13h	0	0	4622	3002	197.60	1	0	3872	3907	106.04	0	0	813	750	105.97	0	0	425	389	54.90
6		19h	0	0	4311	2986	197.75	1	0	3673	3907	106.02	0	0	746	750	105.98	0	0	378	389	54.90
7	12/07/2025	1h	0	0	4261	3015	197.89	1	0	3744	3907	106.00	0	0	774	750	105.99	0	0	401	401	54.93
8		7h	0	0	4463	3012	198.04	1	0	3899	3907	105.99	0	0	693	750	105.98	0	0	386	401	54.92